

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23 - 7 - 2019

V/v: Trông chấp “ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Lợi.

2. Bà Trần Ngọc Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 357/2018/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2018 về trông chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55b/2019/QĐXX-ST, ngày 14 tháng 6 năm 2019. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1976; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện G, tỉnh K; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm: 1973; địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện G, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2018 nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà và chồng là ông Trần Văn C do tự quen biết tìm hiểu và tổ chức cưới vào năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh K vào năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp tánh tình, thường xuyên bất đồng quan điểm. Ông C thay đổi tính tình không tin tưởng vợ, thường xuyên ghen tuông vô cớ dẫn đến đánh đập vợ con. Từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 4 năm 2017 ông, bà đã sống ly thân. Đến khoảng tháng 5 năm 2017 ông C có đi về nhà yêu cầu hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng bà không đồng ý. Ông, bà đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Quá trình chung sống ông, bà có 01 đứa con chung tên Trần Quốc H, sinh năm 1996, con hiện đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Th khởi kiện yêu cầu giải quyết cho ly hôn với ông C.

Ông Trần Văn C đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông C đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn C theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS). Ông C với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp T, xã H, huyện G, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Bà Th và ông C kết hôn vào năm 1992 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh K vào năm 2002 nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng ông bà đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2016, sau đó có hàn gắn lại nhưng vẫn không hạnh phúc, ông, bà đã chấm dứt quan hệ vợ chồng tháng 6 năm 2019. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông, bà có một đứa con chung tên Trần Quốc H, sinh năm 1996, hiện đã trưởng thành nên tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th xác định không có.

[5] Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Trần Văn C.

2. Về nuôi con chung: Ông, bà có một người con chung là Trần Quốc H, sinh năm 1996, cháu H đã trưởng thành nên tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

3. Về án phí: Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0007188 ngày 12/9/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú